

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

LỖI VỀ THANH MẪU VÀ VẬN MẪU CỦA NGƯỜI VIỆT KHI HỌC TIẾNG HÁN HIỆN ĐẠI

ĐÀO MẠNH TOÀN* - LÊ HỒNG CHÀO - ĐÀO KHÔI NGUYỄN*****

TÓM TẮT: Tiếng Việt và tiếng Hán hiện đại (tiếng Trung Quốc) là hai ngôn ngữ cùng loại hình, giữa hai ngôn ngữ này có nhiều điểm tương đồng về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Tuy vậy, giữa hai ngôn ngữ này cũng có một số điểm dị biệt. Những khác biệt này đã và đang gây ra những khó khăn nhất định cho người Việt khi học tiếng Hán như một ngoại ngữ. Bài viết này sẽ bước đầu khái quát những lỗi thường gặp của người Việt khi học ngữ âm tiếng Hán hiện đại (tập trung vào những loại lỗi về thanh mẫu và vận mẫu). Từ đó, chỉ ra được nguyên nhân mắc lỗi như: do một số khác biệt của hệ thống ngữ âm, do hiện tượng chuyển di tiêu cực từ tiếng mẹ đẻ..., đề xuất được một số cách sửa lỗi như: áp dụng thủ pháp phân bố và loại trừ, dùng kỹ thuật miêu tả...đồng thời cũng đề xuất được chiến lược sửa lỗi ngữ âm tiếng Hán cho người Việt để việc giảng dạy, học tập ngữ âm tiếng Hán hiện đại của người Việt được tốt hơn.

TỪ KHÓA: ngữ âm tiếng Hán hiện đại; lỗi về thanh mẫu; lỗi về vận mẫu.

NHẬN BÀI: 10/11/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 28/01/2026

1. Mở đầu

Tiếng Việt và tiếng Hán hiện đại (THHD; tiếng Trung Quốc) là 2 ngôn ngữ cùng loại hình đơn lập, âm tiết tính. Giữa hai ngôn ngữ có rất nhiều điểm tương đồng về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Văn hóa, phong tục tập quán giữa hai dân tộc cũng có nhiều điểm giống nhau. Những nét tương đồng này dẫn đến một hệ quả là khi học ngoại ngữ (khi người Việt học THHD và khi người Hán học tiếng Việt) sẽ có nhiều thuận lợi vì quá trình chuyển di tích cực sẽ xảy ra. Người học sẽ tiết kiệm được nhiều thời gian, công sức trong việc thụ đắc một ngôn ngữ cùng loại hình. Tuy là vậy, giữa hai ngôn ngữ này vẫn tồn tại một số điểm dị biệt nhất định. Những điểm dị biệt này tồn tại ở cả địa hạt ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Nó dẫn đến một số chuyển di tiêu cực khi học ngoại ngữ, gây ra những khó khăn nhất định cho người học.

Trong bài viết này, chúng tôi đi vào khái quát hóa, thống kê, phân tích, phân loại một số lỗi cơ bản, thường gặp của người Việt khi học ngữ âm của THHD, cụ thể là - lỗi về thanh mẫu, vận mẫu. Đối tượng khảo sát là sinh viên chuyên ngành Ngữ văn, Ngôn ngữ Anh các khóa 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 của Trường Đại học Đồng Nai với 500 sinh viên năm thứ nhất, thuộc về cả ba phương ngữ Bắc, Trung, Nam. Dữ liệu mà chúng tôi thu thập là từ các bài kiểm tra ngữ âm trên lớp và bài thi cuối học kì một và học kì hai của hai học phần Tiếng Trung 1 và Tiếng Trung 2). Chúng tôi cũng chỉ tập trung thống kê, phân loại những kiểu lỗi thường gặp của người Việt về thanh mẫu, vận mẫu mà có ý nghĩa đối với việc dạy và học THHD, song song với việc thống kê, phân loại chúng tôi cũng sẽ đi tìm nguyên nhân và đề ra cách khắc phục những kiểu lỗi này.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Âm tiết tiếng Hán hiện đại - cơ sở nhận diện, phân tích lỗi về ngữ âm của người Việt khi học tiếng Hán hiện đại

Cũng như tiếng Việt, âm tiết trong THHD là đơn vị phát âm tự nhiên, dễ nhận biết và là cơ sở để nhận diện, phân loại các kiểu lỗi về ngữ âm khi học THHD. Ở dạng đầy đủ, cấu trúc âm tiết của THHD bao gồm thanh mẫu, vận mẫu và thanh điệu (xem hình 1). Còn ở dạng tối giản, cấu trúc âm tiết của THHD sẽ bao gồm vận mẫu và thanh điệu.

THANH ĐIỀU	
THANH MẪU	VẬN MẪU

Hình 1. Sơ đồ âm tiết tiếng Hán

*TS; Trường Đại học Đồng Nai (Tác giả liên hệ: Email: toan.daomanh@gmail.com)

**Đại học Nghĩa Thu, Đài Loan

***Đại học Ngoại ngữ Văn Tảo, Đài Loan

2.2. Lỗi về hệ thống thanh mẫu của người Việt khi học tiếng Hán hiện đại

2.2.1. Hệ thống thanh mẫu của tiếng Hán hiện đại

Hệ thống thanh mẫu trong Tiếng Hán hiện đại hiện có 21 phụ âm dưới đây:

Phụ âm trong (vô thanh)	Phụ âm tắc	Không bật hơi	b		d			g
		Bật hơi	p		t			k
	Phụ âm tắc xát	Không bật hơi		z		zh	j	
		Bật hơi		c		ch	q	
Phụ âm đục (hữu thanh)	Phụ âm xát		f	s		sh	x	h
	Phụ âm mũi		m		n			
	Phụ âm bên				l	r		

2.2.2. Những kiểu lỗi thường gặp của người Việt về hệ thống thanh mẫu

Qua thống kê, chúng tôi nhận thấy, người Việt khi học hệ thống thanh mẫu của THHD thường mắc phải những loại lỗi như: (i) nhầm lẫn giữa những phụ âm bật hơi và không bật hơi như: /j/ với /q/... (ii) nhầm lẫn/ khó phân biệt giữa những phụ âm tắc xát với nhau như: /z/ với /zh/...kiểu lỗi này thường gặp ở những sinh viên thuộc về phương ngữ Bắc Bộ, (iii) nhầm lẫn/ khó phân biệt giữa những phụ âm xát với nhau như: /s/ với /sh/...kiểu lỗi này cũng thường gặp ở những sinh viên thuộc về phương ngữ Bắc Bộ.

Để khắc phục kiểu lỗi này, chúng tôi đề xuất hai cách thức sau:

a) Thiết lập các âm tắc và tắc xát có đối lập bật hơi - không bật hơi tạo thành sáu cặp khi giảng dạy để người học dễ phân biệt, dễ mô phỏng:

- **b và p.** Ví dụ: 般 /bān/ (ban) - 潘 /pān/ (phan); 保 /bǎo/ (bảo) - 跑 /pǎo/ (bảo)
- **d và t.** Ví dụ: 島 /dǎo/ (đảo) - 討 /tǎo/ (thảo); 讀 /dú/ (đọc) - 途 /tú/ (đồ)
- **g và k.** Ví dụ: 稿 /gǎo/ (cáo) - 考 /kǎo/ (khảo); 甘 /gān/ (cam) - 刊 /kān/ (san)
- **j và q.** Ví dụ: 堅 /jiān/ (kiên) - 牽 /qiān/ (khiên); 景 /jǐng/ (cảnh) - 請 /qǐng/ (thỉnh)
- **zh và ch.** Ví dụ: 張 /zhāng/ (trương) - 昌 /chāng/ (xương); 找 /zhǎo/ (trào) - 吵 /chǎo/ (sao)
- **z và c.** Ví dụ: 早 /zǎo/ (tảo) - 草 /cǎo/ (thảo); 臟 /zāng/ (tang) - 倉 /cāng/ (thương)

b) Chú trọng khâu mô tả về quá trình cấu âm, khẩu hình kèm theo là các tiêu chuẩn về cường độ, trường độ. Chẳng hạn:

Muốn phát âm một phụ âm bật hơi, điều quan trọng là phải tạo ra được một cản trở ở một bộ phận nào đó của bộ máy phát âm. Thời gian tạo cản trở càng lâu thì luồng hơi phát ra càng mạnh. Ví dụ khi phát âm âm hai môi bật hơi / p /, hai môi mím chặt tạo cản trở sau đó mới nhẹ nhàng tách ra cho luồng hơi thoát ra ngoài. Phụ âm / p / được phát âm tương tự như p trong "pen" của tiếng Anh.

Khi phát âm các phụ âm tiếng Trung Quốc, vị trí của lưỡi có một tầm quan trọng đặc biệt, đặt lưỡi đúng vị trí thì phát âm mới chính xác. Trong quá trình phát âm cũng cần quan tâm đến khẩu hình.

- Khi phát âm phụ âm trong, tắc, xát, mặt lưỡi trước không bật hơi / j /, phần trước mặt lưỡi đưa lên sát với hàm ếch cứng, đầu lưỡi chạm vào răng cửa trên, khẩu hình dẹt. Khi phát âm, mặt lưỡi hơi tách khỏi hàm ếch cứng, luồng hơi qua khe hẹp ma sát ra ngoài, trường độ dài hơn so với / p / nhưng cường độ yếu hơn so với / p /.

Cách phát âm âm / q / tương tự như khi phát âm âm / j / chỉ khác là thời gian mặt lưỡi áp vào hàm ếch cứng lâu hơn một chút tạo cản trở, luồng hơi phá vỡ cản trở thoát ra ngoài tạo thành âm bật hơi, trường độ của / q / ngắn hơn so với / j / nhưng cường độ mạnh hơn so với / j /.

- Khi phát âm phụ âm đầu lưỡi trước, trong, tắc xát không bật hơi / z /, đầu lưỡi tỳ vào mặt sau răng cửa trên bịt nghẽn đường hơi, sau đó đầu lưỡi hơi tách ra, luồng hơi lách qua khe hẹp ma sát ra

ngoài, dây thanh không rung. Cách phát âm phụ âm /c/ cũng tương tự như trên nhưng thời gian đầu lưỡi áp vào răng cửa trên bịt nghẽn luồng hơi lâu hơn một chút, luồng hơi phá vỡ cản trở ra ngoài tạo thành âm bật hơi.

- Khi phát âm phụ âm đầu lưỡi sau, trong, tắc xát không bật hơi /zh/ đầu lưỡi uốn lên tỳ vào phần trước hàm ếch cứng bịt nghẽn luồng hơi, sau đó đầu lưỡi hơi tách ra khỏi hàm ếch cứng, luồng hơi ma sát qua khe hở ra ngoài, dây thanh không rung, phát âm tương tự như “tr” tiếng miền Trung Việt Nam. Cách phát âm phụ âm /ch/ cũng tương tự như trên nhưng thời gian đầu lưỡi áp vào hàm ếch cứng bịt nghẽn đường hơi lâu hơn một chút, luồng hơi phá vỡ cản trở ra ngoài tạo thành âm bật hơi...

2.3. Những kiểu lỗi thường gặp của người Việt về hệ thống vận mẫu

2.3.1. Hệ thống vận mẫu của Tiếng Hán hiện đại

Tiếng Hán hiện đại có 39 vận mẫu. Theo cách chia truyền thống có thể chia các vận mẫu này thành bốn nhóm gọi là Tứ hô (四呼).

- Nhóm 1: Khai khẩu hô 開四呼 (Vận mở miệng) gồm các vận mẫu không bắt đầu bằng các nguyên âm /i, u, ü/ hoặc giới âm /i, u, ü/.

- Nhóm 2: Tề xỉ hô 齊齒呼 (Vận chạm răng) gồm các vận mẫu là /i/ hoặc bắt đầu bằng /i/.

- Nhóm 3: Hợp khẩu hô (Vận tròn môi) gồm các vận mẫu là /u/ hoặc bắt đầu bằng /u/.

- Nhóm 4: Toát khẩu hô 合口呼 (Vận chúm môi) gồm các vận mẫu là /ü/ hoặc bắt đầu bằng /ü/.

Căn cứ vào kết cấu, các vận mẫu tiếng Phổ thông có thể chia làm ba loại: vận đơn, vận kép và vận mũi như bảng dưới đây:

Bảng 1. Các vận mẫu tiếng Hán phổ thông

	Khai khẩu hô	Tề xỉ hô	Hợp khẩu hô	Toát khẩu hô	
Các vận đơn	-i	i	u	ü	Không có vận đuôi
	a	ia	ua		
	o		uo		
	e				
	ê		ie	-üe	
	er				
Các vận kép	ai		uai		Vận đuôi là nguyên âm
	ei		uei		
	ao	iao			
	ou	iou			
Các vận mũi	an	ian	uan	an	Vận đuôi là vận mũi
	en	in	uen	üan	
	ang	iang	uang	ün	
	eng	ing	ueng		
		iong	ong	iong	

2.3.1. Các kiểu lỗi thường gặp, nguyên nhân mắc lỗi và cách sửa

Trong quá trình dạy hệ thống vận mẫu của THHĐ cho sinh viên, chúng tôi nhận thấy lỗi về vận mẫu của người Việt so với lỗi về thanh điệu là ít gặp hơn. Sinh viên, khi học vận mẫu của THHĐ thường gặp những thuận lợi và khó khăn sau:

- *Về thuận lợi*: đã có tới 8/39 vận mẫu đọc giống với tiếng Việt. Đó là các vận mẫu: a, ai, ao, an, ang, i, in, u. Giảng viên chỉ còn cần tập trung vào 31 vận mẫu còn lại mà thôi.

- *Khó khăn*: Do một số vận mẫu trong THHĐ khi đi vào ghép vận (pin yin) có một số thay đổi so với hình thức ban đầu, nên hay gây ra nhầm lẫn, lúng túng cho người học. Các lỗi và khó khăn thường gặp là: Nhầm lẫn giữa các vận mẫu có chứa /u/ và /ü/ khi đi vào ghép vận; Nhầm lẫn giữa

các vận mẫu có chứa /i/ và /-i/ khi đi vào ghép vần; Lúng túng khi gặp các dạng viết tắt của các vận mẫu /uei/, /iou/, /uen/; Thể hiện không tốt một số vận kép và vận mũi. Trong đó, các sinh viên thuộc phương ngữ Nam Bộ thường thể hiện không tốt các vận mũi như: ang, eng, iang, ing, iong, uang, ueng, iong. Đây là hiện tượng chuyển di tiêu cực từ tiếng mẹ đẻ sang.

- Cách khắc phục

Đối với 2 loại lỗi đầu, chỉ cần áp dụng thủ pháp phân bố và loại trừ là có thể giải quyết triệt để những nhầm lẫn này. Cụ thể, chỉ cần phân ra làm 2 loại trường hợp sau:

- Trường hợp 1 (phân biệt khi nào đọc là /i/, khi nào đọc là /-i/). Ta đưa ra quy tắc phân bố sau: /z, zh, ch, sh, r, c, s/ + i sẽ đọc là /-i/; Những trường hợp còn lại sẽ đọc là /i/.

Trường hợp 2 (phân biệt khi nào đọc là /u/, và khi nào đọc là /ü/. /j, q, x, y/ + u sẽ đọc là /ü/); Những trường hợp còn lại sẽ đọc là /u.../.

Đối với loại lỗi nhầm lẫn khi gặp các dạng viết tắt của các vận mẫu /uei/, /iou/, /uen/, ta chỉ cần liệt kê dạng đầy đủ và dạng lược bỏ của các vận mẫu này cạnh nhau để người học quen dần là được: /uei/ → /ui/; /iou/ → /iu/; /uen/ → /un/.

Đối với loại lỗi thứ 4 (thể hiện không tốt một số vận kép và vận mũi): Đối với những lỗi này, khó sửa hơn, mất nhiều thời gian hơn, cần dùng những kỹ thuật miêu tả trước, làm mẫu và luyện tập sau. Cụ thể, có thể miêu tả như sau:

- Các vận kép do hai hoặc ba nguyên âm kết hợp với nhau tạo nên, có đặc điểm chung là khi phát âm phải nhanh chóng trượt từ một nguyên âm này sang một nguyên âm khác, trong quá trình trượt luồng hơi không đứt đoạn, tạo thành một thể thống nhất, thuật ngữ gọi là nguyên âm trượt (Falling diphthongs). Tiếng Phổ thông có 13 vận kép chia thành ba nhóm có đặc điểm cấu âm khác nhau:

+ Nhóm 1 (Tổ hợp âm chính - âm cuối) ai, ei, ao, ou: Nguyên âm đầu đọc to, rõ, nguyên âm sau đọc nhỏ, không rõ.

+ Nhóm 2 (Tổ hợp âm đầu - âm chính) ia, ie, ua, uo, üe: Nguyên âm đầu đọc nhỏ, không rõ, nguyên âm sau đọc to, rõ.

+ Nhóm 3 (Tổ hợp âm đầu - âm chính - âm cuối) iao, iou, uai, uei: Nguyên âm đầu và cuối đọc nhỏ, không rõ, nguyên âm đứng giữa đọc to, rõ.

- Các vận mũi do các vận đơn hoặc các vận kép kết hợp với phụ âm mũi -n hoặc -ng tạo nên. Các vận mũi có đặc điểm chung là khi phát âm phải bắt đầu từ các nguyên âm quá độ chuyển sang trạng thái mũi hóa rồi sau đó biến thành phụ âm mũi kết hợp chặt chẽ với nguyên âm đứng trước. Tiếng Hán hiện đại có 16 vận mũi chia làm hai nhóm:

+ Nhóm 1: Do nguyên âm kết hợp với âm mũi đầu lưỡi -n tạo nên, gồm các vận: an, en, in, un, ian, uan, uen, üan.

- Nhóm 2: Do nguyên âm kết hợp với âm mũi gốc lưỡi -ng tạo nên, gồm các vận: ang, eng, ing, ong, iang, uang, ueng, iong.

3 Một số đề xuất khắc phục

Như đã chỉ ra phía trên các lỗi về thanh mẫu (聲母 - phụ âm đầu) và vận mẫu (韻母 - vần/ nguyên âm) là một trong những lỗi thường gặp của người Việt khi học THHĐ. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi sẽ đưa ra một số giải pháp khắc phục mang tính sư phạm và thực hành trong việc khắc phục lỗi ngữ âm. Trước tiên, có thể thấy 3 nguyên nhân chính gây ra lỗi ngữ âm của người Việt khi học THHĐ sau: Một là, do khác biệt hệ thống ngữ âm. Mặc dù tiếng Việt và THHĐ cùng là loại hình ngôn ngữ đơn lập, có thanh điệu, nhưng trong tiếng Việt, hệ thống phụ âm - nguyên âm có nhiều điểm khác biệt với THHĐ như THHĐ có đối lập bật hơi/ không bật hơi, âm đầu lưỡi - cuốn lưỡi, vận tròn môi trước (ü). Hai là, do hiện tượng chuyển di tiêu cực, điểm sai lầm cơ bản nhất từ mặt nhận thức chính là người Việt khi học THHĐ dùng thói quen phát âm tiếng Việt để phát âm THHĐ, đặc biệt là khi giảng viên/ sinh viên dùng hệ thống âm tiêu đề mô phỏng, dẫn đến những khó khăn/ sai biệt trong việc đọc đúng các thanh mẫu và vận mẫu trong THHĐ, dẫn đến hiện tượng “đọc đúng chữ nhưng sai âm”. Xét về mặt thực tiễn, học theo phương pháp âm tiêu mô phỏng có ích một phần trong

việc nói nhanh hơn, nhưng nhược điểm lớn nhất chính là đọc không chuẩn âm. Từ đó có thể thấy, vốn dĩ ưu điểm về điểm tương đồng ngữ âm của hai ngôn ngữ lại trở thành nhược điểm phát âm khi chưa nắm rõ cách đọc hệ thống âm tiết THHĐ. Ba là, ảnh hưởng của chữ viết phiên âm, nhiều chữ cái giống tiếng Việt nhưng cách phát âm khác, ví dụ: /x, c, ong, v.v.../ trong THHĐ hiển nhiên khác với /x, c, ong, v.v.../ trong tiếng Việt. Xuất phát từ những vấn đề trên, chúng tôi tiến hành tổng hợp, và đề xuất các phương pháp giải quyết trong giảng dạy như sau:

3.1. Đối với lỗi về thanh mẫu của người Việt khi học THHĐ, chúng tôi cho rằng, những loại lỗi này không chỉ mang tính phổ quát do khác biệt hệ thống ngữ âm, mà còn chịu ảnh hưởng rõ rệt của phương ngữ vùng miền. Trong đó, người học Nam Bộ có xu hướng làm yếu âm xát và trung hòa đối lập bật hơi, trong khi người học Bắc và Trung dễ nhầm lẫn các nhóm âm cuốn lưỡi và ngạc cứng. Do đó, việc khắc phục cần kết hợp huấn luyện cấu âm có ý thức và thiết kế bài tập phù hợp theo vùng.

Bảng 2. Lỗi vận mẫu THHĐ của người Việt và hướng khắc phục

Loại lỗi về thanh mẫu	Biểu hiện lỗi phổ biến	Vùng miền thường gặp	Hướng khắc phục sự phạm
1. Không phân biệt bật hơi/ không bật hơi (b-p, d-t, g-k)	<i>p, t, k</i> thường đọc giống <i>b, d, g</i>	Bắc - Trung - Nam	1. Luyện tập cảm nhận và quan sát luồng hơi sau khi phát âm, ví dụ như dùng giấy, tay đặt trước miệng, khi phát âm xong các thanh mẫu /p, t, k/ thì sẽ cảm nhận được luồng hơi đi ra tay, hoặc làm giấy chuyển động.
	Âm bật hơi yếu hoặc mất hẳn		2. Luyện cặp tối thiểu, ví dụ: b- p 編排 biānpái 被迫 bèipò p- b 陪伴 péibàn 配備 pèibèi d- t 代替 dàitì 地毯 dītǎn t- d 偷盜 tōudào 坦蕩 tǎndàng g- k 趕 快 港口 gǎngkǒu gǎnkuài k- g 考古 kǎogǔ 客觀 kèguān 3. Luyện bật hơi có kiểm soát trước khi ghép vần
2. Nhầm lẫn âm đầu lưỡi trước (z, c, s) và âm cuốn lưỡi (zh, ch, sh)	<i>zh/ch/sh</i> thường đọc thành <i>z/c/s</i>	Bắc – Trung – Nam	1. Luyện vị trí lưỡi (cong lưỡi, lùi về sau)
	Không cuốn lưỡi		2. So sánh trực quan khẩu hình 3. Luyện cặp đối lập, ví dụ: zh- ch 支持 zhīchí 戰船 zhànchuán ch - zh 吃齋 chīzhāi 車站 chēzhàn z - c 字詞 zìcí 早餐 zǎocān c - z 參贊 cānzàn 存在 cúnzài
3. Phát âm sai thanh mẫu r tiếng Hán	Thường đọc thành <i>l, d, gi</i> hoặc <i>r</i> tiếng Việt	Bắc - Trung - Nam	1. Giải thích /r/ là âm xát hữu thanh, không rung. 2. Luyện tách âm <i>r</i> riêng trước khi ghép vần. 3. So sánh <i>r</i> với <i>zh</i> .

4. Nhầm lẫn j / q / x với zh / ch / sh	<i>ji, qi, xi</i> thường đọc như <i>zhi, chi, shi</i>	Bắc - Trung (nhiều hơn Nam)	1. Luyện vị trí lưỡi áp sát vòm cứng 2. Luyện chuỗi: <i>jī - qī - xī</i> 3. So sánh <i>j</i> (không cuốn lưỡi) với <i>ch</i>
5. Không phân biệt f và p	<i>f</i> thường đọc gần <i>ph</i> hoặc <i>p</i> tiếng Việt	Trung- Nam	1. Luyện tập môi răng rõ ràng với <i>f</i> 2. Luyện cặp: <i>fā - pā</i> 3. Luyện kéo dài âm sát <i>f</i>
6. Đồng hóa c/k/q theo tiếng Việt	<i>k, q</i> thường đọc giống <i>c</i> tiếng Việt	Nam	1. Đối chiếu Hán - Việt 2. Luyện bật hơi mạnh với <i>k, q</i> 3. Tách luyện thanh mẫu trước khi ghép vần
7. Phát âm yếu hoặc sai xát - tắc sát (z, c, s)	Âm không rõ, thiếu ma sát	Nam	1. Luyện kéo dài âm sát (<i>s</i>) 2. Luyện từng âm riêng rồi ghép vần 3. Luyện đọc chậm - rõ
8. Ảnh hưởng phương ngữ dẫn đến trung hòa thanh mẫu	Nhiều thanh mẫu phát âm gần giống nhau	Trung - Nam	1. Đối chiếu hệ thống âm Hán - Việt theo vùng 2. Cá thể hóa bài tập sửa lỗi 3. Ghi âm - phản hồi cá nhân

3.2. Sự khác biệt hệ thống ngữ âm và ảnh hưởng của phương ngữ vùng miền không chỉ xuất hiện ở phương diện thanh mẫu mà còn lẫn sang cả địa hạt vận mẫu. Trong đó, sinh viên Nam Bộ thể hiện mức độ chuyển di tiêu cực cao hơn, đặc biệt ở các vận mũi và vận kép có /-n, -ng/, ví dụ như: 班長 /bānzhang/: *lớp trưởng* với 盼望 /pànwàng/: *trông mong*; 長安/cháng'ān/: *Trường An* với 抗旱 /kànghàn/: *chống hạn*. Nếu như khi phát âm, không chú ý vận kép có /-n, -ng/, người học Nam Bộ khả năng cao đồng nhất /-n, -ng/, từ đó dẫn đến sai lầm. Do đó, biện pháp giảng dạy cần được thiết kế theo hướng khác biệt trên, chú trọng phân biệt cấu âm và đối lập âm vị phù hợp với từng vùng, từ đó có phương pháp giảng dạy phù hợp.

Bảng 3. Lỗi vận mẫu tiếng Hán của người Việt theo vùng miền và hướng khắc phục

Loại lỗi về vận mẫu	Biểu hiện lỗi phổ biến	Vùng miền thường gặp	Hướng khắc phục sư phạm
1. Nhầm lẫn /u/ - /ü/ khi ghép vần	<i>lǚ, nǚ</i> → <i>lu, nu</i> <i>ju, qu, xu</i> đọc như /u/	Bắc - Trung - Nam	1. Luyện tập cấu âm đối lập: giữ lưỡi /i/ va /ü/ 2. Luyện cặp tối thiểu: /lu/ - /lǚ/, /nu/ - /nǚ/ 3. Dạy rõ quy tắc pinyin: /j, q, x, y/ + u = ü
2. Nhầm lẫn /i/ - /-i/	<i>zhi, chi, shi</i> bị đọc như <i>ji, qi, xi</i> Kéo dài -i sai	Bắc - Trung - Nam	1. Giải thích bản chất /-i/ và /i/. 2. Tách nhóm luyện tập: <i>mi/li/ji</i> với <i>zi/chi/shi</i> 3. Luyện khẩu hình: -i ngắn, hẹp
3. Không quen dạng viết tắt /uei/,	Đọc ngập ngừng <i>ui, iu, un</i>	Bắc - Trung - Nam	1. Dạy theo hệ thống: uei→ui; iou→iu; uen→un

iou/, /uen/	Đọc thiếu trượt âm		2. Luyện “phục hồi dạng đầy đủ” 3. Luyện trượt âm từng bước
4. Thể hiện không tốt vận mũi -n / -ng	ang ≈ an	Nam (mắc lỗi nhiều hơn)	1. Luyện tập vị trí kết thúc vận mũi
	ing, iong bị giản lược	Trung (mắc lỗi mức độ vừa)	– -n: lưỡi chạm lợi – -ng: lưỡi nâng phía sau 2. Luyện kéo dài có kiểm soát 3. Luyện cặp: shān - shāng
5. Giản lược vận kép có trượt âm	iang, uang đọc thiếu /i/, /u/	Nam	1. Luyện theo chuỗi tăng dần: ang → iang → liang 2. Nhấn mạnh chuyển động miệng
6. Nhầm lẫn -en/ -eng	eng đọc gần en	Trung - Nam	1. Luyện nghe phân biệt trước khi nói 2. Luyện kéo dài -ng
7. Không hoàn tất vận mũi sau	uang, ueng, iong đọc thiếu đuôi	Nam	1. Luyện riêng đuôi -ng 2. Luyện theo chuỗi tăng dần: uāng → guāng
8. Đồng hóa vận mẫu theo tiếng mẹ đẻ	Biến dạng vận mẫu Hán sang khuôn tiếng Việt	Bắc-Trung-Nam (Nam rõ nhất)	1. Đối chiếu Hán - Việt 2. Chỉ rõ điểm “không tương đương”

Theo chúng tôi, việc sửa lỗi ngữ âm THHD cho người Việt cần được tiến hành một cách có hệ thống, bắt đầu từ nâng cao nhận thức âm vị, tiếp đến là tìm hiểu vị trí cấu âm, và cuối cùng là luyện tập có ý thức nhằm tránh sự tái diễn của lỗi do chuyển di tiêu cực từ tiếng mẹ đẻ.

Bảng 3. Chiến lược sửa lỗi ngữ âm tiếng Hán cho người Việt

Mục đích sư phạm	Mục tiêu sửa lỗi	Cách triển khai cụ thể (thao tác lớp học)	Ví dụ hoạt động	Kết quả mong đợi
1. Đối chiếu ngữ âm Hán - Việt	Giảm chuyển di tiêu cực từ tiếng Việt	Giáo viên trình bày bảng so sánh âm Hán - Việt	So sánh b-p (Hán) vs b-p (Việt) → khác biệt bật hơi	Người học ý thức được lỗi trước khi sửa
		Chỉ rõ: âm có/ không tồn tại trong tiếng Việt		
		Phân tích lỗi trước khi luyện		
2. Luyện tập vị trí cấu âm (articulatory training)	Sửa lỗi tận gốc ở thanh mẫu và vận mẫu	Mô tả rõ vị trí lưỡi - môi - hàm	zh: lưỡi cong, không chạm răng	Phát âm ổn định, ít tái lỗi
		Dùng tranh, video khẩu hình	ü: lưỡi trước + môi tròn	
		GV làm mẫu + HS bắt		

3. Luyện cặp tối thiểu (minimal pairs)	Phân biệt âm gần giống	chước có kiểm soát	<i>zā - zhā, lù - lǚ, jīn - jīng</i>	Tăng khả năng phân biệt âm vị
		Chọn cặp âm dễ nhầm		
		Nghe - nhận diện - phát âm Luyện từ → cụm → câu		
4. Luyện tập cảm nhận luồng hơi	Sửa lỗi bật hơi	Dùng giấy/ nến/ tay trước miệng	<i>p, t, k</i> làm giấy bay	Phân biệt rõ bật hơi – không bật hơi
		HS tự cảm nhận độ mạnh của hơi	<i>b, d, g</i> không bay	
5. Luyện âm tách rời trước từ vựng	Tránh “đọc sai theo thói quen từ”	Luyện thanh mẫu riêng	<i>sh → shī → shí → shíhòu</i>	Giảm lỗi do tự động hóa sai
		Luyện vận mẫu riêng		
		Sau đó mới ghép thành âm tiết		
6. Ghi âm - phản hồi - chỉnh sửa	Tăng khả năng tự sửa lỗi	Người học ghi âm bài đọc	Người học so sánh <i>shān</i> của mình với audio chuẩn	Phát triển năng lực tự điều chỉnh
		So sánh với bản ngữ		
		GV phản hồi cụ thể từng lỗi		
7. Luyện tập có ý thức	Ngăn lỗi tái diễn	Lặp lại có mục tiêu rõ		Tiến bộ bền vững, có kiểm soát
		Chỉ sửa 1-2 lỗi mỗi buổi		
		Có tiêu chí đánh giá		
8. Lồng ghép ngữ âm vào giao tiếp	Chuyển từ “đúng âm” sang “đúng được”	Thiết kế hội thoại chứa âm khó		Phát âm tự nhiên trong giao tiếp
		Đóng vai - đọc to - phản xạ nhanh		
9. Sửa lỗi cá nhân hóa	Giải quyết khác biệt người học	Ghi hồ sơ lỗi từng HS		Hiệu quả cao, tránh dạy dàn trải
		Giao bài tập riêng		
10. Đánh giá tiến trình	Theo dõi hiệu quả can thiệp	• Kiểm tra ngắn định kì	Bài đọc cùng nội dung, 2 thời điểm	Chứng minh hiệu quả chiến lược
		• So sánh trước - sau		

Về các kiểu lỗi sai thanh mẫu và vận mẫu của người Việt khi học THHD, chúng tôi cho rằng các lỗi sai về thanh mẫu và vận mẫu của người Việt khi học tiếng Hán hiện đại không phải là hiện tượng ngẫu nhiên, mà xuất phát từ sự khác biệt có hệ thống giữa hai hệ thống ngữ âm Hán - Việt, đồng thời chịu tác động rõ rệt của chuyển di tiêu cực từ tiếng mẹ đẻ và phương ngữ vùng miền. Đối với thanh mẫu, người Việt thường gặp khó khăn trong việc nắm vững các đối lập âm vị không tồn tại trong tiếng Việt, đặc biệt là đối lập bật hơi - không bật hơi, sự phân biệt giữa âm đầu lưỡi trước và âm cuốn lưỡi, cũng như các nhóm âm ngạc cứng (j/q/x) và âm xát - tắc xát. Những lỗi này cho thấy người học có xu hướng đồng hóa thanh mẫu tiếng Hán vào khuôn âm quen thuộc của tiếng Việt, dẫn đến hiện tượng trung hòa hoặc làm yếu các đặc trưng cấu âm quan trọng.

Tiếp theo, đối với vận mẫu, các lỗi phổ biến tập trung ở việc không phân biệt các nguyên âm và vận mẫu có đặc điểm cấu âm tinh tế, chẳng hạn như đối lập /u/ và /ü/; /i/ và /-i/, cũng như việc không hoàn tất đầy đủ trượt âm và đuôi mũi trong các vận kép và vận mũi. Đặc biệt, ảnh hưởng của phương ngữ Nam Bộ thể hiện rõ qua hiện tượng trung hòa /-n/ và /-ng/ và giản lược vận mũi sau, cho thấy mức độ chuyển di tiêu cực mạnh hơn so với các vùng khác.

Cuối cùng, từ góc độ sư phạm, nếu khi quan sát người học, các lỗi thanh mẫu và vận mẫu vẫn còn xuất hiện thường xuyên, sẽ phản ánh thực tế rằng người học chưa hình thành được nhận thức âm vị đầy đủ về tiếng Hán, đồng thời việc giảng dạy ngữ âm vẫn còn thiên về ghi nhớ hình thức chữ viết phiên âm hơn là tìm hiểu cấu âm và cảm nhận âm thanh. Do đó, nếu không có can thiệp sư phạm phù hợp, các lỗi này rất dễ bị hóa thạch (fossilization) và tiếp tục ảnh hưởng đến năng lực nghe - nói của người học ở các trình độ cao hơn.

Vì vậy, việc khắc phục lỗi sai ngữ âm cho người Việt học THHĐ cần được tiến hành một cách hệ thống, có ý thức và có phân hóa theo vùng miền, trong đó nhấn mạnh các biện pháp như: (1) đối chiếu ngữ âm Hán - Việt; (2) luyện vị trí cấu âm và đối lập âm vị; (3) luyện tập có kiểm soát kết hợp với giao tiếp; (4) cá thể hóa hoạt động sửa lỗi dựa trên đặc điểm phương ngữ của người học.

Theo chúng tôi, chỉ khi các biện pháp này được triển khai đồng bộ, người học mới có thể giảm thiểu ảnh hưởng của chuyển di tiêu cực, hình thành hệ thống ngữ âm THHĐ ổn định và nâng cao hiệu quả giao tiếp bằng THHĐ.

4. Kết luận

Có thể nói, mặc dù là hai ngôn ngữ cùng một loại hình nhưng giữa Tiếng Việt và Tiếng Hán hiện đại vẫn tồn tại một số điểm dị biệt nhất định cả về ngữ pháp, từ vựng và ngữ âm. Những khác biệt này đã và đang gây ra những khó khăn nhất định cho người Việt khi học tiếng Hán như một ngoại ngữ. Bài viết này đã khái quát được những lỗi thường gặp của người Việt khi học ngữ âm tiếng Hán hiện đại (tập trung vào những loại lỗi về thanh mẫu và vận mẫu). Từ đó, bài viết đã chỉ ra được một số nguyên nhân dẫn tới lỗi như: do một số khác biệt của hệ thống ngữ âm, do hiện tượng chuyển di tiêu cực từ tiếng mẹ đẻ gây ra,... Và cũng đã đề xuất được một số cách sửa lỗi như: áp dụng thủ pháp phân bố và loại trừ, dùng kỹ thuật miêu tả... Đồng thời, chúng tôi cũng đề xuất được chiến lược sửa lỗi ngữ âm Tiếng Hán cho người Việt để việc giảng dạy, học tập ngữ âm tiếng Hán hiện đại của người Việt được tốt hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

Tiếng Việt

1. Đoàn Thiện Thuật (1980), *Ngữ âm tiếng Việt*. Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
2. Hoàng Thị Châu (1989), *Tiếng Việt trên các miền đất nước (phương ngữ học)*. Nxb Khoa học Xã hội.

Tiếng Trung Quốc

3. 剑广徽 《汉语普通话语音教程》 (2002), 北京语言大学初版社。
· 《新华正音词典》 (2003), 商务印书馆。

Errors in initial consonants and finals made by Vietnamese learners in learning modern Chinese phonetics

Abstract: Vietnamese and Modern Chinese belong to the same typological language family and share numerous similarities in phonetics, vocabulary, and grammar. Nevertheless, a number of significant differences also exist between the two languages. These discrepancies have posed considerable difficulties for Vietnamese learners when acquiring Chinese as a foreign language. This paper provides a preliminary overview of the most common phonetic errors made by Vietnamese learners in learning Modern Chinese phonetics, with particular emphasis on errors in initial consonants (shengmu) and finals (yunmu). On this basis, the study identifies the major causes of such errors, including structural differences between the two phonological systems and the phenomenon of negative transfer from the mother tongue. Furthermore, the paper proposes several corrective approaches, such as the application of distributional and contrastive techniques, as well as the use of descriptive articulatory methods. In addition, it suggests pedagogical strategies for the correction of Chinese phonetic errors among Vietnamese learners, with the aim of improving the effectiveness of teaching and learning Modern Chinese phonetics.

Key words: Modern Chinese phonetics; initial consonant errors; final errors.